Mẫu số 2

UBND XÃ : DIÊN KHÁNH
THÔN: PHÚ LỘC ĐÔNG 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TRẢ HỖ TRỢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ MƯA LŨ

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
1	NGUYỄN THỊ SÁU	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	
2	BÙI THẠNH (Mất)	Thôn Phú Lộc Đông 2	②1	1.000.000	—	—	1.000.000	Bùi Tấn
3	HUỲNH THỊ THU HẠNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Huỳnh Thị Thu Hạnh
4	LÊ THỊ KIM DUNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	02	1.000.000	4.000.000	Lê Thị Kim Dung
5	LÊ ĐỨC TÍNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Tính Lê Đức Tính
6	NGUYỄN QUÝT thẻ CCCD	Thôn Phú Lộc Đông 2	7	7.000.000	03	1.500.000	8.500.000	Nguyễn Quýt
7	LÊ TẤN THANH PHONG	Thôn Phú Lộc Đông 2	④5	3.000.000	01	500.000	3.500.000	Lê Tấn Thanh Phong
8	HUỲNH THỊ ĐẬU thẻ CCCD	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	
9	ĐẶNG HỮU PHÚC	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	Đặng Hữu Phúc
10	ĐẶNG THANH TRÚC	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Đặng Thanh Trúc
11	NGUYỄN THỊ THẮNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	02	1.000.000	6.000.000	Thị Thắng

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
12	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	—	—	—	—	Kiều Ngọc Kiên
13	BÙI MẠNH KHA	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4000000đ	—	—	4.000.000đ	Bùi Mạnh Kha
14	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	—	—	3.000.000đ	Nguyễn Đ. Toàn
15	KIỀU NGỌC KIÊN (thêu 6000)	Thôn Phú Lộc Đông 2	(9) 6	6.000.000đ	01	500.000đ	6.500.000đ	Kiều Ngọc Kiên
16	NGUYỄN SƠN TỰ	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	02	1.000.000đ	6.000.000đ	Nguyễn Sơn Tự
17	NGUYỄN THỊ LẦU	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	—	—	4.000.000đ	Lầu Thị Lầu
18	NGUYỄN THỊ THÔNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	—	—	2.000.000đ	Nguyễn Thị Anh
19	NGUYỄN THỊ KIM LAN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	Ngô Thị Kim Lan
20	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	01	500.000đ	4.500.000đ	Nguyễn Thị Thương
21	NGUYỄN THỊ QUÝ	Thôn Phú Lộc Đông 2	4 (2)	~~2.000.000đ~~	—	—	2.000.000đ	Lê Văn Vui
22	BÙI HỮU LÝ	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	Bùi Hữu Lý
23	SỪ THỊ CHANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	Sừ Thị Chanh
24	ĐẶNG NGỌC CHÂU	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	—	—	2.000.000đ	Đặng Ngọc Châu
25	NGUYỄN TẠI	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	—	—	4.000.000đ	Võ Thị Nguyên
26	NGUYỄN THỊ ÁT (mất)	Thôn Phú Lộc Đông 2	(2) 1					

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
27	NGÔ THẢO	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	—	—	4.000.000đ	Ngô Thảo
28	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	—	—	2.000.000đ	Ng Thị T Nhàn
29	NGUYỄN VIỄN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	—	—	5.000.000đ	Nguyễn Huy Viễn
30	NGUYỄN THỊ KIM MẦU	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	—	—	5.000.000đ	Nguyễn Thị Kim Mầu
31	PHAN THANH SƠN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5 4	4.000.000đ	—	—	4.000.000đ	phan thanh Sơn
32	LƯƠNG THỊ TÚY PHƯỢNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	01	500.000đ	4.500.000đ	Lương Thị Túy Phượng
33	NGUYỄN PHI CÔNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5 3	3.000.000đ	—	—	3.000.000đ	Ng Phi Công
34	PHAN VĂN MẪN	Thôn Phú Lộc Đông 2	9 5	5.000.000	—	—	5.000.000đ	Mẫn Phan Văn Mẫn
35	LÊ THỊ HUỆ	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	02	1.000.000đ	4.000.000đ	Lê Thị Huệ
36	NGUYỄN THỊ VIÊN PHƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	X	0	4.000.000đ	Nguyễn Thị Viên Phương
37	NGUYỄN VĂN THỦY	Thôn Phú Lộc Đông 2	7 06	6.000.000đ	—	—	6.000.000đ	Nguyễn Văn Thủy
38	NGUYỄN VĂN LỰC	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	—	—	2.000.000đ	Nguyễn Văn Lực
39	VÕ THỊ SANG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	—	—	4.000.000đ	Võ thị Sang
40	NGUYỄN VĂN MƯỜI	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000đ	—	—	6.000.000đ	Nguyễn Văn Mười
41	TRẦN THỊ KIM THOA	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	02	1.000.000đ	6.000.000đ	

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
42	NGUYỄN HỒNG YẾN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	-	-	3.000.000đ	Yến Ng. Hồng Yến
43	NGUYỄN ĐỨC VŨ	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	-	-	4.000.000đ	Nguyễn Đức Vũ
44	NGUYỄN THỊ LẠI	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000đ	01	500.000đ	6.500.000đ	Lai
45	LÂM HOÀI PHONG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	-	-	4000.000đ	Lâm Hoài Phong
46	DƯƠNG THỊ XUÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4 03	3.000.000đ	-	-	3.000.000đ	
47	LÊ THỊ TÁM	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3000.000đ	1	500.000đ	3.500.000đ	Lê Thị Tám
48	LỮ LIỆT CHÍN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	01	500.000đ	4.500.000đ	Chín
49	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	-	-	-	-	Kió mất ở đp tại thời điểm xra lũ lụt
50	HÀNG THỊ MINH HẰNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	01	500.000đ	4.500.000đ	Hằng Hàng Thị Minh Hằng
51	NGUYỄN THỊ KIM TRANG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	-	-	5.000.000đ	Trang Ng Thị Kim Trang
52	NGUYỄN THỊ SONG THƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2000000	-	-	2.000.000	Ng Thị Song Thương
53	VÂN XƯƠNG THẠNH (mất)	Thôn Phú Lộc Đông 2	7 6	6.000.000đ	-	-	6.000.000đ	Thảo Vân Thị Kim Thảo
54	LÊ HỒNG ĐỆ	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	-	-	5.000.000đ	Đệ Lê Hồng Đệ
55	LÊ THỊ BÉ	Thôn Phú Lộc Đông 2	2 1	1.000.000đ	-	-	1.000.000đ	Lê Thị Bé
56	NGUYỄN THÀNH PHONG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3000000	01	500.000	3.500.000đ	Phong Ng Th. Phong

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
57	LÊ NGỌC TRÍ	Thôn Phú Lộc Đông 2	4 +2	6.000.000	—	—	6.000.000	Lê Ngọc Trí
58	VÕ NHẪN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2 1.	1.000.000	—	—	1.000.000	Võ Nhẫn
59	TRẦN THỊ NGHIỆP	Thôn Phú Lộc Đông 2	10	10.000.000	02	1.000.000	11.000.000	Trần Thị Nghiệp
60	HUỲNH HOÀNG MAI	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	Huỳnh Hoàng Mai
61	HUỲNH LÊ QUỐC KỲ	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	03	1.500.000	7.500.000	Huỳnh Lê Quốc Kỳ
62	NGÔ KIM SƠN (01 mất)	Thôn Phú Lộc Đông 2	4 3	4.000.000	—	—	4.000.000	
63	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	01	500.000	4.500.000	Huy Nguyễn Trường Huy
64	NGUYỄN CHÁNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	—	—	6.000.000	
65	NGUYỄN THỊ HUY	Thôn Phú Lộc Đông 2	2 1	1.000.000	—	—	1.000.000	
66	LÊ VĂN THÔNG (01 mất)	Thôn Phú Lộc Đông 2	6 5	5.000.000	—	—	5.000.000	Lê Văn Thông
67	LƯƠNG THỊ THIỆP (01 mất)	Thôn Phú Lộc Đông 2	4 3	3.000.000	—	—	3.000.000	Lương Thị Thiệp
68	NGUYỄN THỊ SƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3 2	2.000.000	—	—	2.000.000	Sương
69	HUỲNH VĂN MINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	Huỳnh Văn Minh
70	NGÔ MINH QUÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	01	500.000	5.500.000	Quân
71	NGUYỄN ĐỨC TÀI	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	Đức Tài

6

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
72	LÊ THỊ HOA	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	–	–	1.000.000	Lê Thị Hoa
73	NGUYỄN THỊ LIÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	–	–	3.000.000đ	
74	NGUYỄN VĂN TÁM	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	01	500.000đ	4.500.000đ	Nguyễn Văn Tám
75	NGUYỄN KHÔI	Thôn Phú Lộc Đông 2	2					
76	NGUYỄN CAO LẬP	Thôn Phú Lộc Đông 2	⑥5	5.000.000đ	01	500.000đ	5.500.000đ	lập Nguyễn Cao Lập
77	NGUYỄN THỊ XÉO (mất)	Thôn Phú Lộc Đông 2	③2	2.000.000đ	01	500.000	2.500.000đ	Trần Ngọc Biku Đào
78	NGUYỄN VĂN LANG	Thôn Phú Lộc Đông 2	7	7.000.000đ	02	1.000.000đ	8.000.000đ	ủng Nguyễn Văn Lang
79	LÊ THỊ HOÀ	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000đ	02	1.000.000đ	7.000.000đ	Lê Thị Hoà
80	NGÔ ANH VŨ	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000đ	–	–	1.000.000	Ngô Anh Vũ
81	LÊ VĂN QUÁN	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000đ	02	1.000.000đ	7.000.000đ	quán Lê Văn Quán
82	LÊ THỊ ĐUA	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	–	–	2.000.000đ	
83	VÕ THỊ THANH NHÀN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	01	500.000	5.500.000đ	Võ Thị Thanh Nhàn
84	BÙI THỊ CHÍN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	–	–	2.000.000đ	Chín
85	THÁI NGỌC BÔNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	–	–	4.000.000đ	–
86	NGUYỄN VĂN TRUNG (mất)	Thôn Phú Lộc Đông 2	②1	1.000.000đ	–	–	1.000.000đ	Tuyết

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
87	LƯƠNG XUÂN OÁNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Lương Xuân Oánh
88	NGUYỄN TÙNG NINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Nguyễn Tùng Ninh
89	NGUYỄN THÊ	Thôn Phú Lộc Đông 2	11	11.000.000	03	1.500.000	12.500.000	Nguyễn Thê
90	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	01	500.000	6.500.000	Nguyễn Thị Ánh Tuyết
91	NGUYỄN THỊ ĐAN THY	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	Nguyễn Thị Đan Thy
92	PHAN THANH BÌNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	Phan Thanh Bình
93	BÙI XUÂN HƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	01	500.000	4.500.000	Bùi Xuân Hương
94	NGUYỄN HỮU TÂM	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Nguyễn Hữu Tâm
95	BÙI THỊ BÔNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	—	—	5.000.000	Bùi Thị Bông
96	NGUYỄN KÝ	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	Nguyễn Ký
97	NGUYỄN THỊ LIÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	④3	3.000.000	—	—	3.000.000	Liên Nguyễn Thị Liên
98	ĐẶNG VĂN MIÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	—	—	5.000.000	—
99	NGUYỄN TIẾU	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Nguyễn Tiếu
100	NGUYỄN SANH NGHĨA (Cha Mỹ)	Thôn Phú Lộc Đông 2	⑧6	6.000.000	—	—	6.000.000	Nguyễn Sanh Nghĩa
101	NGUYỄN CHÚNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	9	9.000.000	03	1.500.000	10.500.000	

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
102	LÊ VĂN SƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	/	/	6.000.000	Lê Văn Sương
103	NGUYỄN VĂN DŨNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	9	9.000.000	/	/	9.000.000	Dũng Nguyễn Văn Dũng
104	LÊ THỊ ANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	01	500.000	6.500.000	Lê Thị Anh
105	NGUYỄN THANH HOÀNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	/	/	4.000.000	Nguyễn Thanh Hoàng
106	NGUYỄN LƯƠNG DIỄM THÚY	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	/	/	4.000.000	Nguyễn Lương Diễm Thúy
107	HUỲNH THỊ PHƯƠNG LIÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	/	/	2.000.000	Huỳnh Thị Phương Liên
108	NGUYỄN XUÂN ĐẢNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	/	/	3.000.000	Đảng Nguyễn Xuân Đảng
109	PHAN HÙNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	/	/	4.000.000	Hùng Phan Hùng
110	LẠI QUANG TÙNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000			3.000.000	Tùng
111	BÙI THỊ HẠNH DUYÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	02	1.000.000	6.000.000	Bùi Thị Hạnh Duyên
112	NGUYỄN THƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	/	/	1.000.000	Nguyễn Thương
113	NGUYỄN THỊ SÁU	Thôn Phú Lộc Đông 2	5 02	2.000.000	/	/	2.000.000	Ng Thị Sáu
114	NGUYỄN THỊ ĐẬM	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	/	/	3.000.000	Đậm Nguyễn Thị Đậm
115	LƯƠNG TẤN DŨNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	/	/	4.000.000	
116	PHAN THỊ ĐIỂM	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	/	/	1.000.000	Phan Thị Điểm

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
117	NGUYỄN THỊ LAN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	–	–	5.000.000đ	Ngô Thị Lan
118	NGUYỄN VĂN MINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	8 03	3.000.000đ	–	–	3.000.000đ	Minh
119	PHẠM NGỌC HẢI (mất)	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	–	–	–	–	Chết
120	TRẦN NGỌC HUYỀN TRÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	–	–	3.000.000đ	Trần Ngọc Huyền Trân
121	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	8	8.000.000đ	–	–	8.000.000đ	Cường Ng. Văn Giống
122	NGUYỄN HUỀ	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000đ	–	–	1.000.000đ	Huề
123	NGUYỄN ĐỨC PHONG	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	–	–	1.000.000đ	nguyễn đức phong
124	NGUYỄN ĐÀI	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	–	–	4.000.000đ	Đài
125	LÊ NHÂN (mất) → Đinh Thị Thu Thuỷ	Thôn Phú Lộc Đông 2	4 3	3.000.000đ	–	–	3.000.000đ	Đinh Thị Thu Thủy
126	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	–	–	3.000.000đ	Thảo Nguyễn T-Phương Thảo
127	LÊ VĂN NGỌC	Thôn Phú Lộc Đông 2	2 01	1.000.000đ	–	–	1.000.000đ	Lê Văn Ngọc
128	TRẦN THỊ THU LAN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4 5	4.000.000đ	–	–	3.000.000đ	Trần Thị Thu Lan
129	HUỲNH THỊ THƠM	Thôn Phú Lộc Đông 2	7 6	6.000.000đ	02	1.000.000đ	7.000.000đ	Thơm
130	VÕ NGỌC DANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	–	–	3.000.000đ	Võ Ngọc Danh
131	NGUYỄN THỊ BÍCH HIỀN	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000đ	01	500.000đ	6.500.000đ	Ng Thị Bích Hiền

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
132	ĐINH CÔNG TÀI	Thôn Phú Lộc Đông 2	10	10.000.000	02	1000.000	11.000.000	Đinh Công Tài
133	HUỲNH VĂN TUẤN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	Huỳnh Văn Tuấn
134	TRẦN THỊ THU OANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Trần Thị Thu Oanh
135	NGUYỄN ĐINH THỊ TƯỜNG VY	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	—	—	—	—	
136	NGUYỄN VĂN TÒNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	04	4.000.000	—	—	4.000.000	Tòng Nguyễn Tòng
137	NGUYỄN THỊ NIỆM	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	—	—	5.000.000	Nguyễn Thị Niệm
138	LÊ MINH TÙNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	—	—	6.000.000	Tùng
139	NGUYỄN VĂN ĐIỂM	Thôn Phú Lộc Đông 2	06	6.000.000	01	500.000	6.500.000	Nguyễn Văn Điểm
140	NGUYỄN THỊ NHỊ	Thôn Phú Lộc Đông 2	03	3.000.000	—	—	3.000.000	Nhị
141	NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	Loan
142	NGUYỄN THỊ HUỆ	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	Huệ Nguyễn Thị Huệ
143	LÊ VĂN QUÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	—	—	5.000.000	Quân Lê Văn Quân
144	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	01	500.000	5.500.000	Tuyến Nguyễn T. kim Tuyến
145	NGUYỄN THANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	1	500.000	6.500.000	Thanh Nguyễn Thanh
146	NGUYỄN THANH BÌNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	03	3.000.000	—	—	3.000.000	Nguyễn Thanh Bình

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
147	TRẦN KIM TRÍ	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	01	500.000	3.500.000	Trần Kim Trí
148	NGUYỄN THỊ A	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	—
149	NGUYỄN CHÍ NHÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Nguyễn Chí Nhân
150	NGUYỄN ANH TUẤN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Nguyễn Anh Tuấn
151	NGUYỄN XUÂN QUANG	Thôn Phú Lộc Đông 2	7	7.000.000	03	1.500.000	8.500.000	Nguyễn Xuân Quang
152	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Nguyễn Văn Định
153	LƯƠNG THỊ THANH NGA	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Lương Thị Thanh Nga
154	NGUYỄN THỊ LỆ	Thôn Phú Lộc Đông 2	8	8.000.000	04	2.000.000	10.000.000	lệ
155	NGUYỄN TẤN LỘC	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	
156	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	02	1.000.000	7.000.000	Nguyễn Văn Đức
157	NGUYỄN THỊ MỘNG KIỀU	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	Nguyễn Thị Mộng Kiều
158	DIỆP THẾ THỊ LIỄU	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	02	1.000.000	5.000.000	Liễu
159	NGUYỄN VĂN HÒA	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	02	1.000.000	7.000.000	Nguyễn Văn Hòa
160	NGUYỄN XUÂN ÁNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Nguyễn Xuân Ánh
161	HUỲNH THỊ LIÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	—	—	6.000.000	Huỳnh Thị Liên

12

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
162	NGÔ VĂN HIẾU	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	–	–	3.000.000	
163	TRƯƠNG THỊ KHÉO	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	01	500.000	3.500.000	Trương thị Khéo
164	NGUYỄN THỊ THÚY	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	–	–	3.000.000	RT Tuấn Thúy
165	NGUYỄN THỊ BÍCH	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	–	–	4.000.000	Bích Nguyễn Thị Bích
166	NGUYỄN THỊ TƯƠI	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	–	–	4.000.000	Nguyễn Thị Tươi
167	LÊ THỊ BỐN	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	–	–	6.000.000	Lê Thị Bốn
168	NGÔ TẤN DŨNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	–	–	4.000.000	Dũng Ngô Tấn Dũng
169	LÊ THỊ THÙY LINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	–	–	1.000.000	Lê Thị Thùy Linh
170	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	(2)3	3.000.000	–	–	3.000.000	
171	LÊ THIỆN HÒA	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	–	–	3.000.000	Lê Thiện Hòa
172	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	–	–	1.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Trâm
173	PHÙ THỊ TÝ	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	–	–	3.000.000	Phù Thị Tý
174	TRẦN VĂN NGHĨA	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	01	500.000	6.500.000	Trần Văn Nghĩa
175	NGUYỄN VĂN LỘC	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	–	–	4.000.000	Lộc nguyễn Văn Lộc
176	DƯƠNG VĂN QUẢNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	(4)	Đi cư cả hộ ở Mỹ				

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
177	NGUYỄN THỊ LƯỢM	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Nguyễn Thị Lượm
178	NGUYỄN VĂN SƠN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Nguyễn Văn Sơn
179	NGUYỄN THỊ THANH NGA	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Nga
180	HUỲNH THỊ CẢNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Huỳnh Thị Cảnh
181	NGÔ THỊ BÍCH HUỆ	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Ngô Thị Bích Huệ
182	LÂM THỊ NGỌC OANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	Lâm Thị Ngọc Oanh
183	NGUYỄN MINH THUẬN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	—	—	5.000.000	Nguyễn Minh Thuận
184	NGUYỄN THỊ PHỤNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Nguyễn Thị Phụng
185	NGUYỄN TRẦN VƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Nguyễn Trần Vương
186	PHAN THANH TÚ	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Phan Thanh Tú
187	NGUYỄN THỊ DIỆU	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Nguyễn Thị Diệu
188	NGUYỄN THỊ MINH TƠ	Thôn Phú Lộc Đông 2	7	7.000.000	01	500.000	7.500.000	/
189	LÊ THỊ THANH THÚY	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Thúy
190	HÀ KHẮC HẢI	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Hà Khắc Hải
191	LƯU THỊ PHƯỚC	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	01	500.000	4.500.000	—

14

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
192	HUỲNH THỊ ĐÔNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	Huỳnh Thị Đông
193	HUỲNH VĂN GIÁP	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	02	1.000.000đ	5.000.000đ	Huỳnh Văn Giáp
194	ĐINH THỊ DIỆN	Thôn Phú Lộc Đông 2	~~3~~ 2	2.000.000đ	/	/	2.000.000đ	Đinh Thị Diện
195	NGUYỄN MINH VƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	vương
196	HỒ VĂN KHOA	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000đ	/	/	1.000.000đ	Khoa - Hồ Văn Khoa
197	NGUYỄN TIẾN HUY	Thôn Phú Lộc Đông 2	~~1~~	/	/	/	/	ở địa phương
198	PHẠM DŨNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	/	/	4.000.000đ	- Dung phạm Dũng
199	NGUYỄN VĂN TÁN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	/	/	4.000.000đ	Nguyễn Văn Tán
200	NGUYỄN THỊ THANH HỒNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	~~3~~	/	/	/	/	ở địa phương
201	NGUYỄN VĂN QUÁ	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	/	/	3.000.000đ	nguyễn văn Quá
202	PHAN THỊ KIM LOAN (01 mất)	Thôn Phú Lộc Đông 2	~~5~~ 4	4.000.000đ	02	1.000.000đ	5.000.000đ	Loan Phan T. Kim Loan
203	BÙI THỊ KIM YẾN	Thôn Phú Lộc Đông 2	~~6~~ 5	5.000.000đ	/	/	5.000.000đ	Yến Bùi Thị Kim Yến
204	VÕ VĂN NHU	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	/	/	3.000.000đ	Võ Văn Như
205	DƯƠNG THỊ LAN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	/	/	3.000.000đ	Dương Thị Lan
206	NGUYỄN BÍCH	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	/	/	4.000.000đ	Nguyễn Bích

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
207	NGUYỄN THẾ NHÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	–	–	4.000.000	Nguyễn Thế Nhân
208	LÂM VĂN VŨ	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	–	–	4.000.000	
209	BÙI THỊ HỒNG NGUYÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	2	1.000.000	5.000.000	Nguyễn Bùi Thị Hồng
210	HUỲNH LÊ KIM SÂM	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	–	–	1.000.000	Huỳnh Lê Kim Sâm
211	NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	–	–	2.000.000	Ntg Thị Bạch Tuyết
212	NGUYỄN VINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2000.000	–	–	2.000.000	
213	NGUYỄN ĐỨC TOẠI	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	–	–	–	–	Đang ở Mỹ
214	HỒ THỊ KIM ANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	–	–	3.000.000	Anh Hồ Thị Kim Anh
215	TRẦN THỊ MẦM	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	–	–	4.000.000	
216	HUỲNH NGỌC ĐÁNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	01	500.000	5.500.000	Huỳnh Ngọc Đáng
217	NGUYỄN TÍN	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	–	–	1.000.000	Ng Tín
218	NGUYỄN THỊ NHUNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	–	–	4.000.000	Nguyễn Chi Nhung
219	NGUYỄN VĂN NGÃ	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	–	–	1.000.000	–
220	NGUYỄN TRUNG TRỰC	Thôn Phú Lộc Đông 2	7	7.000.000	02	1.000.000	8.000.000	Trực
221	DƯƠNG VĂN THƠM	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	–	–	3.000.000	Dương Văn Thơm

16

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
222	BÙI VĂN SƠN	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	—	—	6.000.000	Sơn Bùi Văn Sơn
223	NGUYỄN THỊ MINH THỦY	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1000.000	—	—	1.000.000	Thủy
224	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	
225	NGUYỄN ANH PHÁP	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	—	—	5.000.000	Pháp Nguyễn Anh Pháp
226	LÊ NGUYỄN ANH PHƯỢNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	02	1.000.000	5.000.000	Lê Nguyễn Anh Phượng
227	LÊ VĂN PHƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	02	1.000.000	4.000.000	Lê Văn Phương
228	NGUYỄN THỊ HÀO	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Nguyễn Thị Hào
229	NGÔ KIM HIỀN	Thôn Phú Lộc Đông 2	8	7.000.000	01	500.000	7.500.000	Hiền Ngô Kim Hiền
230	HUỲNH NGỌC DUYÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	(5)3	3.000.000	—	—	3.000.000	Duyên
231	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	01	500.000	6.500.000	Nguyễn Thị Phương Thảo
232	LỮ DUY LINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	(4)(3)	3.000.000	—	—	3.000.000	Lữ Duy Linh
233	PHAN THANH PHÁT	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	01	500.000	4.500.000	Phan Thanh Phát
234	TRẦN NGỌC TÚ UYÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	01	500.000	4.500.000	Trần Ngọc Tú Uyên
235	NGUYỄN THỊ KIM HỒNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Hồng Nguyễn Thị Kim Hồng
236	PHẠM THỊ LỘC	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2000.000	—	—	2.000.000	Lộc

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
237	HUỲNH NGỌC ĐÌNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	01	500.000	5.500.000	Huỳnh Ngọc Đình
238	LÊ TIẾN CƯỜNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	02	1.000.000	7.000.000	Lê Tiến Cường
239	LÊ THỊ THANH THẢO	Thôn Phú Lộc Đông 2	③ 1	1.000.000	—	—	1.000.000	Lê Thị Thanh Thảo
240	LÊ VĂN KHƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	—	—	5.000.000	
241	LƯU TRỌNG LÂM	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	02	1.000.000	5.000.000	Lưu Trọng Lâm
242	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Thôn Phú Lộc Đông 2	④ 3	3.000.000	—	—	3.000.000	Đức Nguyễn Văn
243	NGUYỄN THÀNH SƠN	Thôn Phú Lộc Đông 2	④	4.000.000	—	—	4.000.000	Sơn Nguyễn Thành Sơn
244	TRƯƠNG VĂN HĂNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	156 - ④ (3.)	3.000.000	1	500.000	3.500.000	Hăng Trương Văn Hăng
245	NGUYỄN VĂN NGỌC	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Nguyễn Văn Ngọc
246	ĐẶNG NGỌC PHI	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Phi Đặng Ngọc Phi
247	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	2	1000.000	5.000.000	Ny Hoàng Tiến
248	NGUYỄN THÀNH TUẤN	Thôn Phú Lộc Đông 2	⑦ (5)	5.000.000	1	500.000	5.500.000	Tuấn Nguyễn Thành Tuấn
249	NGÔ ANH QUÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	
250	LÊ XUÂN TÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	02	1.000.000	6.000.000	Tân
251	NGUYỄN DUY TÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	02	1.000.000	5.000.000	Tân Nguyễn Duy Tân

18

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
252	TRẦN THỊ ÚT	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3000.000	02	1.000.000	4.000.000	Trần Thị Út
253	LƯƠNG TẤN TRIỂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	02	1.000.000	7.000.000	Lương Tấn Triển
254	LÊ THỊ THÙY LAN	Thôn Phú Lộc Đông 2	8	8.000.000	02	1.000.000	9.000.000	Lê Thị Thùy Lan
255	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	04	2.000.000	8.000.000	Nguyễn Thành Trung
256	NGUYỄN XUÂN VINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	1	500.000	4.500.000	Nguyễn Xuân Vinh
257	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Nguyễn Thị Thu Trang
258	NGUYỄN THỊ MINH HIẾU	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	
259	NGUYỄN KHẮC VINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	01	500.000	4.500.000	
260	LẠI QUANG MINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	02	1.000.000	5.000.000	Lại Quang Minh
261	NGUYỄN THÀNH HƯNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	—	—	5.000.000	Nguyễn Thành Hưng
262	HUỲNH THỊ KIM HOA	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2000.000	—	—	2.000.000	Huỳnh Thị Kim Hoa
263	ĐINH VĂN PHƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Đinh Văn Phương (Phó)
264	CAO THỊ THU HƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Cao Thị Thu Hương
265	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	Nguyễn Văn Hoàng
266	BÙI TẤN NGUYÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Bùi Tấn Nguyên

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
267	PHẠM NGỌC HÒA	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	02	1.000.000	5.000.000	Phạm Ngọc Hòa
268	NGUYỄN THỊ TRANG ĐÀI	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	–	–	4.000.000	Nguyễn Thị Trang Đài
269	NGUYỄN THÀNH LƯỢNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	1					
270	HUỲNH LÊ QUỐC TRÂM	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	–	–	1.000.000	Huỳnh Lê Quốc Trâm
271	NGUYỄN ANH ĐỨC	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	–	–	1.000.000	Nguyễn Anh Đức
272	LÊ THỌ	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	–	–	4.000.000	Lê Thọ
273	NGUYỄN THỊ HUỲNH TUYẾT NGA	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	–	–	2.000.000	
274	BÙI LÊ THỊ MỘNG DUNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	02	1.000.000	6.000.000	Bùi Lê Thị Mộng Dung
275	ĐẶNG XUÂN HẢI	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	–	–	2.000.000	Hải
276	PHAN THỊ KIM HỒNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	–	–	5.000.000	Đặng Xuân Hải
277	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	–	–	3.000.000	Nguyễn Thị Kim Loan
278	NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	–	–	3.000.000	Nguyễn T. Ngọc L.
279	NGUYỄN DUY CHÍ	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	01	500.000	3.500.000	Nguyễn Duy Chí
280	ĐẶNG XUÂN THANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	02	1.000.000	6.000.000	Hồ Thanh Đặng Xuân Thanh
281	TRẦN VĂN KHÁNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	–	–	1.000.000	Trần Văn Khánh

20

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
282	NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	—	—	2.000.000đ	Nguyễn Thành Phương
283	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Anh Nguyễn Thị Hoàng Anh
284	LÊ LƯU TẤN THANH ĐẠT	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	02	1.000.000	5.000.000đ	Đạt - Lê Lưu Tấn Thanh Đạt
285	TRẦN DUY HẬN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	01	500.000đ	5.500.000đ	Trần Duy Hận
286	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	—	—	2.000.000đ	Hồng Vân
287	LÊ ANH HẢI	Thôn Phú Lộc Đông 2	⑤A	4.000.000đ	—	—	4.000.000đ	Lê Anh Hải
288	PHẠM THỊ NHẤT	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	02	1.000.000đ	5.000.000đ	Nhất Phạm Thị Nhất
289	LÂM TUẤN	Thôn Phú Lộc Đông 2	④3	4.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	Lâm Tuấn
290	VÕ THÀNH TÂM	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	01	500.000đ	4.500.000đ	- Võ Thành Tâm
291	BÙI KHƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	Khương Bùi Khương
292	NGUYỄN THỊ VI BÌNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	Bình Nguyễn Thị Vi Bình
293	NGUYỄN THỨC TÍNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000đ	01	500.000đ	6.500.000đ	Tính-Nguyễn Thức Tính
294	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000đ	—	—	1.000.000đ	-Duyên, Nguyễn Thị Mỹ Duy
295	PHẠM NGỌC TÂM	Thôn Phú Lộc Đông 2	7	7.000.000đ	—	—	7.000.000đ	Tâm Phạm Ngọc Tâm
296	NGUYỄN MINH HÙNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	6					

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
297	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	01	500.000	3.500.000	
298	ĐỖ LÂM THÚY HIỀN	Thôn Phú Lộc Đông 2	1 (2)	2.000.000	01	500.000	2.500.000	Đỗ Lâm Thúy H
299	NGUYỄN HỒNG SƠN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	Nguyễn Hồng Sơn
300	ĐINH QUỐC KHOA	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	01	500.000	4.500.000	
301	NGUYỄN THỊ HỒNG THUẬN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	01	500.000	5.500.000	Nguyễn Thị Hồng Thuận
302	HỒ NGỌC ĐÔNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	01	500.000	4.500.000	Hồ Ngọc Đông
303	TRẦN MINH THANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	6+1	7.000.000	01	500.000	7.500.000	Trần Quốc Thái
304	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	8	8.000.000	02	1.000.000	9.000.000	
305	NGUYỄN THỊ ĐẸT	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	01	500.000	6.500.000	Nguyễn Thị Đẹt
306	TRẦN VĂN LƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	—	—	5.000.000	
307	ĐỖ THỊ THƯ	Thôn Phú Lộc Đông 2	5 (4)	4.000.000	02	1.000.000	5.000.000	
308	PHAN THỊ LÁNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000	Phan Thị Lánh
309	PHAN TRỌNG HIẾU	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	Phan Trọng Hiếu
310	LÊ ĐÌNH NHẬT KIN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2 (1)	1.000.000	01	500.000	1.500.000	Lê Đình Nhật Kin
311	NGUYỄN THỊ CÚC	Thôn Phú Lộc Đông 2	6 (5)	5.000.000	01	500.000	5.500.000	Nguyễn Thị Cúc

65 13

22

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
312	ĐINH QUỐC KHÁNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	Đinh Quốc Khánh
313	NGUYỄN ĐỨC THÁI	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	Nguyễn Đức Thái
314	NGUYỄN THỊ EM	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	02	1.000.000	7.000.000	
315	TRẦN THỊ HOA	Thôn Phú Lộc Đông 2	5 (4)	4.000.000	01	500.000	4.500.000	
316	PHẠM MINH TUẤN	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	Phạm Minh Tuấn
317	LƯƠNG THỊ MỘNG TRINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	
318	TRẦN MINH PHÚC	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	01	500.000	3.500.000	Trần Minh Phúc
319	LÊ THÀNH LONG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	01	500.000	3.500.000	Lê Thành Long
320	NGUYỄN THÀNH LỰC	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	—	—	—	—	Có ở địa phương
321	LÊ THỊ MỸ DUNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	02	1.000.000	6.000.000	Lê Thị Mỹ Dung
322	ĐINH THỊ THẢO HUYỀN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	02	1.000.000	5.000.000	Đinh Thị Thảo Huyền
323	HUỲNH LÊ QUỐC THANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000	Huỳnh Lê Quốc Thanh
324	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000	—	—	1.000.000	Nguyễn Đình Phương
325	LÊ VĂN THANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000	—	—	6.000.000	Lê Văn Thanh
326	LÊ CHÍ THÀNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	01	500.000	4.500.000	Lê Chí Thành

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
327	VÕ THỊ RIÊNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	0	–	2.000.000đ	Võ Thị Riêng
328	BÙI LÊ ANH VŨ	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	02	1.000.000đ	5.000.000đ	Bùi Lê Anh Vũ
329	NGUYỄN THANH CƯỜNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	02	1.000.000đ	5.000.000đ	Cường Mỹ Thanh
330	PHAN THỊ TÁNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000đ	–	–	1.000.000đ	Phan Thị Tánh
331	VÕ THẾ VIỆT	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	–	–	4.000.000đ	Võ Thế Việt
332	NGUYỄN THÀNH XUÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	–	–	5.000.000đ	Nguyễn Thành Xuân
333	NGUYỄN THANH TOÀN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2					
334	NGUYỄN LÊ CƯỜNG BẢO	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	01	500.000đ	4.500.000đ	Cường Bảo
335	PHAN THỊ THANH LAM	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	–	–	–	–	Đang ở SG.
336	NGUYỄN TRUNG NAM	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	Nguyễn Trung Nam
337	PHẠM NGỌC HỮU	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	01	500.000đ	4.500.000đ	Phạm Ngọc Hữu
338	PHAN HOÀNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	6	6.000.000đ	–	–	6.000.000đ	Phan Hoàng
339	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	2	1.000.000đ	4.000.000đ	Ng Thị Phương Uyên
340	ĐẶNG THANH SƠN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	–	–	4.000.000đ	Đặng Thanh Sơn
341	NGUYỄN THANH SƠN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	0	~~3.000.000đ~~	3.000.000đ	Nguyễn Thanh Sơn

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
342	LẠI THỊ DƯ	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	–	–	2.000.000	Lại Thị Dư
343	HUỲNH THỊ THU TRANG	Thôn Phú Lộc Đông 2	1					
344	TRẦN THỊ ÁM	Thôn Phú Lộc Đông 2	5 → 4	4.000.000	02	1.000.000	5.000.000	Trần Thị Ám
345	TRẦN VĂN HỒNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	–	–	4.000.000	Hồng
346	HUỲNH THỊ HƯỜNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	–	–	3.000.000	Hường
347	LÊ HUY HOÀNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	–	–	3.000.000	Lê Huy Hoàng
348	TRẦN VĂN PHÚ (mất) 01 mất; 01 ở SG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3 → 1	1.000.000	–	–	1.000.000	Kim Oanh
349	LÊ VĂN THANH HẢI	Thôn Phú Lộc Đông 2	2					Ko có ở địa phương
350	TRƯƠNG HOÀNG THÀNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	2 → 1	1.000.000	01	500.000	1.500.000	Thành Hoàng Thành
351	NGUYỄN MINH PHƯỚC	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	–	–	5.000.000	Nguyễn Minh Phước
352	LƯƠNG THỊ NGỌC TRANG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3					
353	NGUYỄN THỊ HAI	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	–	–	2000.000	Nguyễn Thị Hai
354	NGUYỄN VĂN THẮNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5+1	1.000.0000 5.000.000	–	–	6.000.0000 5.000.000	Nguyễn Văn Thắng
355	TRẦN HUỲNH HUỆ	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000	–	–	5000.000	Huệ Trần Huỳnh Huệ
356	VÕ VĂN NHANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	5 → 3	3.000.000	01	500.000	3.500.000	Võ Văn Nhanh

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
357	DƯƠNG THỊ THÙY TRÂM	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	01	500.000đ	5.500.000đ	Trâm
358	TRẦN THỊ THU THỦY	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000	—	—	3.000.000đ	Trần Thị thu thủy
359	LÊ HỮU CHÍNH	Thôn Phú Lộc Đông 2	8	8.000.000đ	01	500.000đ	8.500.000đ	Lê Hữu Chính
360	HUỲNH VĂN KHOA	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	—	—	4.000.000đ	Huỳnh văn khoa
361	NGUYỄN THỊ KIM LÊ	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	—	—	3.000.000đ	Lê Nguyễn thị kim Lê
362	NGUYỄN THỊ THANH NHI	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	—	—	4.000.000đ	Nhi Nguyễn Thị Thanh Nhi
363	NGUYỄN NGỌC THÙY LINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	Linh Nguyễn Ngọc Thùy Linh
364	LÊ THƯỜNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	01	500.000đ	5.500.000đ	Lê Thường
365	PHAN THỊ BÍCH THỦY	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	02	1.000.000đ	5.000.000đ	Phan Thị Bích Thủy
366	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000	—	—	2.000.000đ	Nguyễn Thị Bích Liên
367	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000đ	Nguyễn Trung Hiếu
368	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	—	—	3.000.000đ	Nguyễn Hùng Cường
369	HUỲNH THỊ HÙNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	—	—	2.000.000đ	Hùng Huỳnh Thị Hùng
370	TRẦN QUỐC ĐIỆP	Thôn Phú Lộc Đông 2	7	7.000.000đ	—	—	7.000.000đ	Trần Quốc Điệp
371	NGUYỄN THỊ NHÂM (mất) Phan Ngọc Tâm	Thôn Phú Lộc Đông 2	3 → 1	1.000.000đ	—	—	1.000.000đ	Phan Ngọc Tâm

26

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
372	TRƯƠNG VĂN BẢN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	/	/	3.000.000đ	Bản Trương Văn Bản
373	NGUYỄN VĂN THI	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1000.000	/	/	1.000.000đ	Thi Nguyễn Văn Thi
374	ĐẶNG THANH TÂM	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	01	500.000	4.500.000đ	Đặng Thanh Tâm
375	HUỲNH THỊ YẾN	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	/	/	4.000.000đ	Yến
376	NGUYỄN THỊ THANH THANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	/	/	/	/	K có ở địa phương
377	LÊ VĂN ĐỨC	Thôn Phú Lộc Đông 2	3					K biết.
378	NGUYỄN HÀ	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	/	/	4.000.000đ	Hà Nguyễn Hà
379	ĐINH VĂN CẦN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	4.000.000đ	2	1.000.000	5.000.000đ	Cần Đinh Văn Cần
380	BÙI TẤN ĐẠT	Thôn Phú Lộc Đông 2	3+1	3.000.000đ + 1.000.000	01+01	500.000đ + 500.000đ	3.500.000đ = 5.000.000	Đạt Bùi Tấn Đạt
381	LÊ THỊ KIM CHI	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	01	500.000đ	2.500.000đ	chi Lê Thị Kim Chi
382	NGUYỄN THỊ TRÀ NHƯ	Thôn Phú Lộc Đông 2	8	8.000.000đ	/	/	8.000.000đ	Như Nguyễn Thị Trà Như
383	LÊ HỒNG NGỌC	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	02	1.000000đ	5.000.000đ	Ngọc Lê Hồng Ngọc
384	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	/	/	3.000.000đ	Hương Nguyễn Thị Hương
385	NGUYỄN THỊ LỘC	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	/	/	2.000.000đ	Nguyễn Thị Lộc
386	PHẠM THỊ KIM PHƯỢNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	5.000.000đ	01	500.000đ	5.500.000đ	Phượng Phạm Thị Kim Phượng

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
387	LÊ VĂN SƠN	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	/	/	2.000.000đ	Lê Văn Sơn
388	NGUYỄN QUỐC SƠN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	—	—	—	—	Ở Sài Gòn
389	NGUYỄN XUÂN QUYỀN	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	—	—	—	—	Bỏ địa phương
390	LÂM TUẤN	Thôn Phú Lộc Đông 2	3	3.000.000đ	—	—	3.000.000đ	Lâm Tuấn.
391	HUỲNH VĂN MINH	Thôn Phú Lộc Đông 2	8	8.000.000đ	02	1.000.000đ	9.000.000đ	
392	NGUYỄN NGỌC PHƯỚC	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	—	—	—	—	Ở Lâm Đồng
393	NGUYỄN QUỐC BẢO	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2000.000	—	—	2.000.000đ	Nguyễn Quốc Bảo
394	NGUYỄN THỊ MƯỜI	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000đ	—	—	1.000.000đ	Nguyễn Thị Mười
395	PHAN THÀNH NHÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000đ	—	—	1.000.000đ	Phan Thành Nhân.
396	BÙI THỊ THANH PHƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	2					
397	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Thôn Phú Lộc Đông 2	1					
398	NGUYỄN THỊ XI	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000đ	02	1.000.000đ	5.000.000đ	Xi
399	KIỀU THỊ LOAN PHƯỢNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	/	/	2.000.000đ	Kiều thị loan Phượng
400	NGUYỄN THỊ CÁT	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	1.000.000đ	—	—	1.000.000đ	
401	BÙI THỊ HỒNG MAI	Thôn Phú Lộc Đông 2	2	2.000.000đ	—	—	2.000.000đ	Bùi Thị Hồng Mai

28

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
402	BÙI THỊ XUÂN	Thôn Phú Lộc Đông 2	5 ~~4~~	~~5~~.000.000	—	—	5.000.000	Xuân: Bùi thị xuân
403	NGÔ THỊ CHƯỚC	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	Em/ Ngô Thị Chước
404	LÊ NGỌC ĐỨC	Thôn Phú Lộc Đông 2	4	4.000.000	—	—	4.000.000	
405	ĐOÀN THỊ THU NHI	Thôn Phú Lộc Đông 2	1	—	—	—	—	Định cư USA.
406	NGUYỄN THIỆN PHƯƠNG	Thôn Phú Lộc Đông 2	5	—	—	—	—	ở SGòn.
407	TRẦN THỊ THANH	Thôn Phú Lộc Đông 2	1					
	Tổng Cộng:		1.394	1.394.000.000	196	98.000.000	1.492.000.000	

Số tiền (bằng chữ): Một tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu đồng.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025
TRƯỞNG THÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Tấn Thanh Long

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

U.B.N.D XÃ DIÊN KHÁNH T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Tấn Cường

Mẫu số 2

UBND XÃ : DIÊN KHÁNH
THÔN: ....PĐ2...........

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TRẢ HỖ TRỢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ MƯA LŨ NĂM 2025 (TẠM TRÚ)

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
1	Trần Thị Út	Thôn Phú Đông 2	1	1.000.000đ	1	500.000đ	1.500.000đ	Út Trần thị Út
2	Ng Thị Nga	//	1	1.000.000đ	–	–	1.000.000đ	N Nguyễn Thị Nga
3	Ng Ngọc Huy	//	03	3.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	Huy Nguyễn Ngọc Huy
4	Ng Thị Thanh Phương	/	02	2.000.000đ	–	–	2.000.000đ	Nguyễn Thị Thanh Phương
5	Lương Thúy Vy	//	03	3.000.000đ	01	500.000đ	3.500.000đ	Lương Thúy Vy
6	Ng Thị Minh Trang	//	01	1.000.000đ	–	–	1.000.000đ	Minh Trang
7	Huỳnh Đủ Xồn	//	02	2.000.000đ	–	–	2.000.000đ	Huỳnh Đủ Xồn
8	Phạm Thị Tốt	//	02	2.000.000đ	1	500.000đ	2.500.000đ	Phạm Thị Tốt
9								
10								
11								
12								

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
13								
14								
15								
16								
17								
18								
19								
20								
21								
22								
23								
24								
25								
26								
27								
28								

DANH SÁCH BỔ SUNG

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
61	Trần Minh Thanh	Trần Tùng Lâm	+ 01	1.000.000	/	/	1.000.000+	Thanh
62	Lê Ngọc Tuí		+ 02	2.000.000	/	/	2.000.000+	
63	Dương Thị Cúc	(K có trong dsách)	+ 03	3.000.000+	02	1.000.000+	4.000.000+	Cúc Dương Thị Cúc
64								
65								
66								
67								
68								
69								
70								
71								
72								
73								
74								
75								
76								

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
77								
78								
79								
80								
81								
82								
83								
84								
85								
86								
87								
88								
89								
90								
91								
92								

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
29	Ng Thị Tú Như	Phố 2.			3	500.000đ	1.500.000đ	Ng Thị Tú Như
30	Võ Thế Việt	Phố 2.			1	500.000đ	500.000đ	Võ Thế Việt
31	Nguyễn Khải	Phố 2.	2.	1.000.000	/	/	1.000.000đ	Khải Nguyễn Khải
32	Ng Đăng Quang	Phố 2	1	1.000.000đ	/	/	1.000.000đ	Quang Ng Đăng Quang
33	Đinh Văn Thưởng	21			1	500.000đ	500.000đ	Phương Đinh Văn Phúc
34	Ng Thị Liên	11	1	1.000.000đ	1	500.000đ	1.500.000đ	Liên Ng Thị Liên
35			25	25.000.000	12	6.000.000	31.000.000	
36		+	1.394	1.394.000.000	196	98.000.000	1.492.000.000	
37			1.419	1.419.000.000	208	104.000.000	1.523.000.000	
38								
39								
40								
41								
42								
43								
44								

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
45								
46								
47								
48								
49								
50								
51								
52								
53								
54								
55								
56								
57								
58								
59								
60								

Số tiền bằng chữ: Một tỷ năm trăm hai mươi ba triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Trưởng Thôn
(Ký ghi rõ họ và tên)

Lê Tấn Thanh Phong

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Chủ Tịch
(Ký ghi rõ họ và tên)

U.B.N.D XÃ DIÊN KHÁNH T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Tấn Cường

Mẫu số 2

UBND XÃ : DIÊN KHÁNH
THÔN: Phú Lộc Đông 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TRẢ HỖ TRỢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ MƯA LŨ

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Người thuộc hộ gia đình		Học sinh hộ gia đình thuộc		Tổng cộng (đồng)	Ký nhận của chủ hộ gia đình
			Số người (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	Số học sinh (người)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)		
1	Ng Thị Niệm	Phòng			01	500.000đ	500.000đ	Niệm
2	Nguyễn Viễn	"	01	1.000.000đ	—	—	1.000.000đ	Viễn
3	Nguyễn Thế Nhân	"			01	500.000đ	500.000đ	Nhân
4	Nguyễn Văn Hường	"	02	2.000.000đ	—	—	2.000.000đ	Hường
5	Lê Văn Phương	"	02	2.000.000đ	01	500.000đ	2.500.000đ	
6	Lê Thị Hường	"	01	1.000.000đ	—	—	1.000.000đ	Hường
7	Ng Minh Thuận	"			01	500.000đ	500.000đ	
8	Phạm Thị Kim Phụng	"	01	1000.000đ	—	—	1000.000đ	Phụng
9	Lê Hữu Chính	"			01	500.000đ	500.000đ	Chính
10	Nguyễn Tiếu	"	01	1.000.000	1	500.000	1.500.000đ	Tiếu
11	Lê Thị Thuỳ Lan	"	01	1.000.000	—	—	1.000.000đ	Lan
12	Nguyễn Thị Lâu	"	01	1.000.000đ	—	—	1.000.000đ	Lâu
13			10	10.000.000	6	3.000.000	13.000.000	
14								
15								
16								
17								
18								

Nguyễn Thị Niệm
Nguyễn Viễn
Nguyễn Thế Nhân
Nguyễn Văn Hường
Lê Văn Phương
Lê Thị Hường
Ng Minh Thuận
Phạm Thị Kim Phụng
Lê Hữu Chính
Nguyễn Tiếu
Lê Thị Thuỳ Lan
Ng Thị Lâu

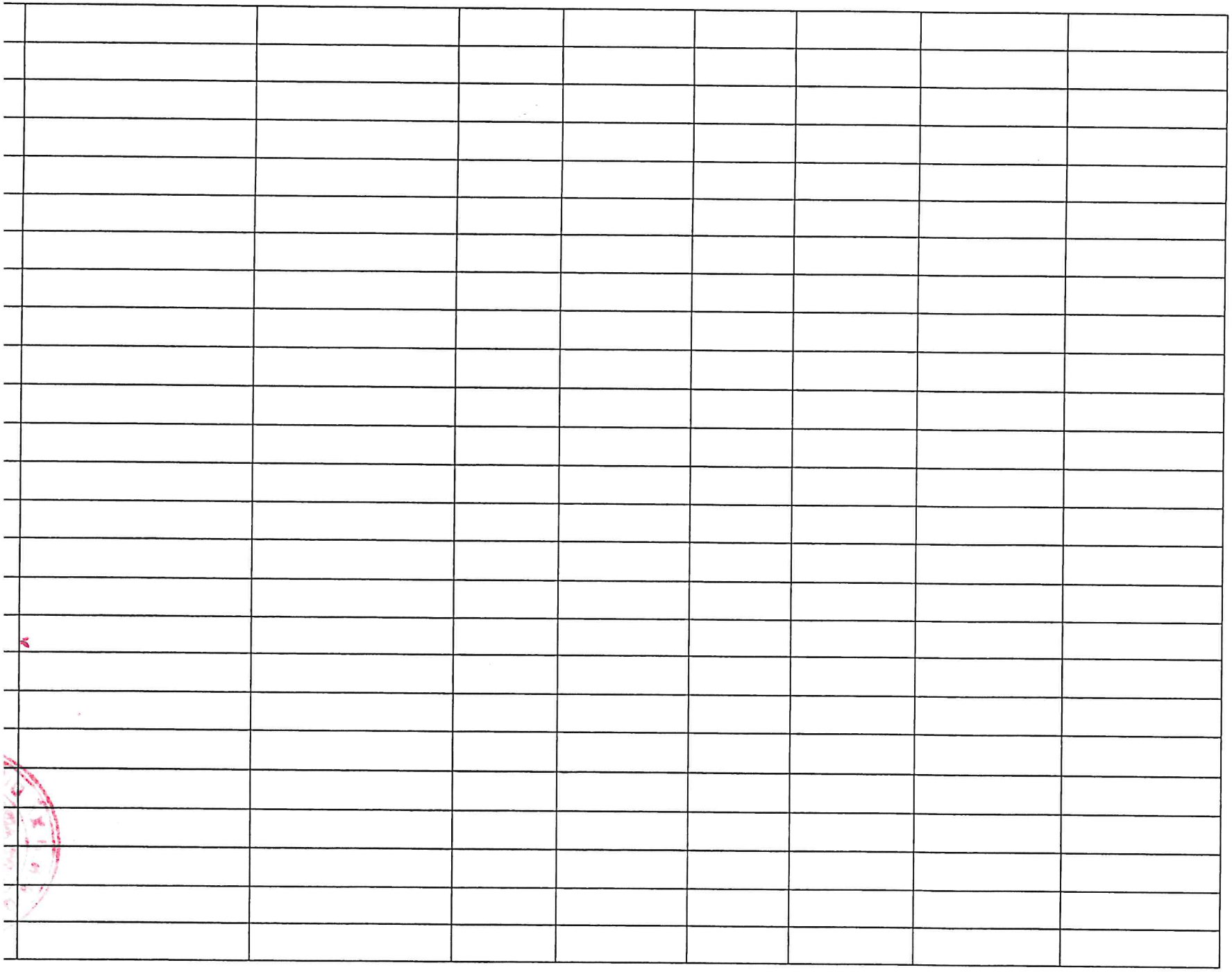

Số tiền bằng chữ: ...Mười hai triệu đồng...

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Trưởng Thôn
(Ký ghi rõ họ và tên)

Lê Tấn Thanh Phong

Ngày 16 tháng 01 năm 2026
Chủ Tịch
(Ký ghi rõ họ và tên)

U.B.N.D XÃ DIÊN KHÁNH T.KHÁNH HÒA

Nguyễn Tấn Cường
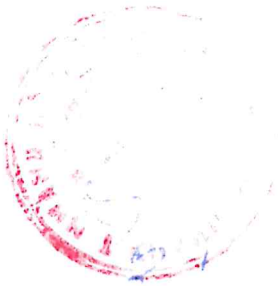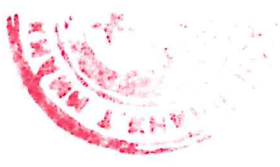
KHÁNH T.KHÁNH HÒA